

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2026/HS-ST
Ngày: 24-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bích Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Hồng T**, sinh năm 1990 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ H, khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1945 và bà Thạch Thị C1, sinh năm 1951; Vợ con chưa có; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là nhỏ nhất trong gia đình;

- Tiền án: Không có.

- Tiền sự: 01. Ngày 04/12/2024 bị Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPHC xử phạt Phạm Hồng T số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; chấp hành nộp phạt ngày 17/12/2024.

- Nhân thân:

+ Cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy 06 tháng, từ ngày 11/10/2024 đến 11/04/2025. Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

số 13 ngày 12/04/2025 của Ủy ban nhân dân Phường C, tỉnh Đồng Tháp đối với Phạm Hồng T từ ngày 12/4/2025 đến ngày 12/4/2026.

+ Ngày 20/01/2026 có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy tại phường C, tỉnh Đồng Tháp bị bắt quả tang. Quyết định khởi tố bị can số D51/QĐ-CAMT ngày 23/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đối với Phạm Hồng T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy

- Tạm giữ: Không có

- Tạm giam: Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S – Công an tỉnh Đ trong 01 vụ án khác; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Võ Hoàng Phương T1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khóm A, phường C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Hồng T bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Phạm Hồng T là đối tượng đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện tại địa phương nơi cư trú, không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên đi lang thang. Bị cáo Phạm Hồng T có một tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPHC ngày 04/12/2024 của Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp (cũ) xử phạt Phạm Hồng T số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/11/2025 bị cáo Phạm Hồng T đi bộ trên đường đến căn nhà số B, đường T thuộc khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp của bà Võ Hoàng Phương T1, sinh năm 1983, nơi thường trú: Khóm A, phường C, tỉnh Đồng Tháp thì bị cáo T nhìn thấy có một số tấm tole (tôn) để cặp vách bên trái ngôi nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Phạm Hồng T đã đi vào bên hông nhà lén lút vác từng tấm được 08 (tám) tấm tole và 01 cánh cửa sắt đem cất giấu ở bụi cây cách căn nhà khoảng 20 mét, bị cáo đang kêu xe chở đi bán thì bị lực lượng Công an Phường M, tỉnh Đồng Tháp phát hiện mời về làm việc và tạm giữ các tài sản do bị cáo T giao nộp như sau:

- 01 (một) tấm tole (tôn) màu xanh, không rõ nhãn hiệu, có chiều dài 3.1m, chiều rộng 1.1m, trọng lượng 11.6kg đã qua sử dụng.

- 01 (một) tấm tole màu xanh, không rõ nhãn hiệu, có chiều dài 3.5 m, chiều rộng 1.1m, trọng lượng 13 kg, đã qua sử dụng.

- 01 (một) tấm tole màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, có chiều dài 1.7 m, chiều rộng 1.1m, trọng lượng 7 kg đã qua sử dụng.

- 01 (một) tấm tole màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, có chiều dài 1.6 m, chiều rộng 1.1m, trọng lượng 6.6 kg đã qua sử dụng.

- 04 (bốn) tấm tole màu trắng bạc, có chiều dài 1.1m, chiều rộng 0.9m, tổng trọng lượng là 14.6 kg, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cánh cửa sắt màu trắng bạc, chiều dài 1.96 m, chiều rộng 1.06m, trọng lượng 22kg, đã qua sử dụng.

Tại Bản Kết luận định giá số 02/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường M kết luận:

- 01 (một) tấm tôn màu xanh, không rõ nhãn hiệu, chiều dài 3.1m, chiều rộng 1.1m, đã qua sử dụng, trọng lượng 11.6kg. Trị giá 40.600 đồng.

- 01 (một) tấm tôn màu xanh, không rõ nhãn hiệu, chiều dài 3.5m, chiều rộng 1.1m, đã qua sử dụng, trọng lượng 13kg. Trị giá 45.500 đồng.

- 01 (một) tấm tôn màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, chiều dài 1.7m, chiều rộng 1.1m, đã qua sử dụng, trọng lượng 07kg. Trị giá 24.500 đồng.

- 01 (một) tấm tôn màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, chiều dài 1.6m, chiều rộng 1.1m, đã qua sử dụng, trọng lượng 6.6kg. Trị giá 23.100 đồng.

- 04 (bốn) tấm tôn màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, chiều dài 1.1m, chiều rộng 0.9m, đã qua sử dụng, tổng trọng lượng 14.6kg. Trị giá 49.700 đồng.

- 01 (một) cánh cửa bằng kim loại màu trắng bạc, chiều dài 1.96m, chiều rộng 1.06m, đã qua sử dụng, trọng lượng 22kg. Trị giá 157.300 đồng.

Tổng trị giá tài sản: **340.800 đồng** (Ba trăm bốn mươi ngàn, tám trăm đồng).

Cơ quan điều tra đã trao trả lại tài sản cho bị hại bà Võ Hoàng Phương T1, bà T1 không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập trong vụ án.

Tại **Cáo trạng số 07/CT-VKSKV9 ngày 16/4/2026** Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 đã truy tố bị cáo Phạm Hồng T về tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Phạm Hồng T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hồng T với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không có.

- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp gì. Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát Khu vực 9, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Hồng T thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 07/CT-VKSKV9 ngày 16/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp là đúng với hành vi của bị cáo.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/11/2025 căn nhà số B, đường T thuộc khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên đã lén lút lấy trộm 08 (tám) tấm tole và 01 cánh cửa sắt của bà Võ Hoàng Phương T1, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, có giá trị qua định giá là 340.800 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn tám trăm nghìn đồng)

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Hồng T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

... ”

[3] Xét hành vi của bị cáo Phạm Hồng T, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo còn khai rằng biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành. Về nhận thức bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân, tôn trọng pháp luật mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Hồng T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Võ Hoàng Phương T1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong

[8] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Hồng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp về tội danh, điều luật truy tố và các vấn đề khác là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; **Điều 38 của Bộ luật hình sự.**

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Hồng T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, Không đặt ra xem xét.
4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, Không đặt ra xem xét
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Phạm Hồng T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 9;
- **Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;**
- **CQTHAHS Công an Tỉnh;**
- **Thi hành án dân sự Tỉnh;**
- **Bị cáo;**
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa